TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/6/2025
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị An.

2. Ông Nguyễn Đình Chiến.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2015 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tổ G, Khu phố C, phường P, thành phố H, Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lộc T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ G, Khu phố C, phường P, thành phố H, Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày: Bà và ông Lộc T kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2020. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Lộc T thường hay uống rượu bia, đập phá đồ đạc, kiếm chuyện gây gổ và đánh đập bà nhiều lần. Không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2024 cho đến nay, không còn chung sống với ông T nữa. Hiện nay bà xét thấy không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lộc T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Lộc P, giới tính nam, sinh ngày 10/01/2020; Lộc Thịnh, giới tính nam, sinh ngày 17/02/2022. Hiện cháu T1 đang sống cùng bà, cháu P đang sống cùng ông T. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Lộc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên: Về quan hệ hôn nhân, áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận cho bà Trần Thị D ly hôn với ông Lộc T. Về con chung, áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu T1 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu P cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về phần tài sản chung và nợ chung: bà D trình bày không có nên không yêu cầu xem xét. Buộc bà D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Lộc T cư trú tại khu phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lộc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Trần Thị D và ông Lộc T kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2020. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết bà D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông T đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông T đều vắng mặt. Qua xác minh của Tòa án tại khu phố C, phường P cho thấy bà D, ông T có đăng ký thường trú tại địa phương, hiện nay ông bà vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng ông bà không còn chung sống cùng nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Về mâu thuẫn giữa ông bà địa phương không rõ. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà D, ông T không còn chung sống và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân của bà D, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Lộc P, giới tính nam, sinh ngày 10/01/2020, Lộc T1, giới tính nam, sinh ngày 17/02/2022. Hiện

cháu T1 đang sống cùng bà D, cháu P đang sống cùng ông T. Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến khi ông bà không còn chung sống cháu T1 là do bà D trực tiếp chăm sóc và hiện nay cháu mới hơn 36 tháng tuổi, nên việc giao cháu T1 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ngoài ra do ông T không có ý kiến về con chung nên ghi nhận ý kiến bà D giao cháu P cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông T thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà D khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị D được ly hôn với ông Lộc T.

2. Con chung: Giao con chung tên Lộc P, giới tính nam, sinh ngày 10/01/2020 cho ông Lộc T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung tên Lộc T1, giới tính nam, sinh ngày 17/02/2022 cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà D và ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông bà trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Bà Trần Thị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0008345 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, nay bà D không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Hà Tiên;
- Chi cục Thi hành án Tp. Hà Tiên;
- UBND phường Pháo Đài;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương

Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố Hà Tiên;*
- *Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;*
- *UBND xã Thuận Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành

Giang Phước Thành